TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HS-ST
Ngày: 10 - 12- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình.
2. Ông Bùi Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1975, tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú tại: ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1927, con bà Phan Thị M, sinh năm 1928; có 05 người anh chị em, lớn nhất sinh năm 1957, nhỏ nhất bị cáo sinh năm 1975; vợ tên Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1975; có 04 người con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2021 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Huỳnh A, sinh năm 1990, tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; bị cáo không có anh chị em và chưa có vợ; tiền sự: không, tiền án: Ngày 24/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử về tội Cố ý gây

thương tích, mức án: 03 năm tù tại Bản án số 44/2017/HS-ST. Chấp hành xong ngày 21/7/2019; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2021 cho đến nay, có mặt.

3. Đào Tấn D, sinh năm 1979, tại tỉnh Tây Ninh; hộ khẩu thường trú tại: ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đào Thanh H, sinh năm 1938 và bà Võ Thị Kim L (đã chết); có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1964, nhỏ sinh năm 1981; vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; có 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2021 cho đến nay, có mặt.

4. Mai Phước K, sinh năm 1975, tại tỉnh Q; hộ khẩu thường trú tại: ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Mai Phước H (đã chết) và bà Phan Thị N (đã chết); có 02 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1965, nhỏ sinh năm 1977; vợ tên Nguyễn Thị V, sinh năm 1967; có 02 người con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2021 cho đến nay, có mặt.

5. Võ Văn T, sinh năm 1988, tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú tại: ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Võ Văn G, sinh năm 1963 và bà Mai Thị D, sinh năm 1970; bị cáo không có anh chị em; vợ tên Nông Thị L, sinh năm 1994; có 02 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2021 cho đến nay, có mặt.

6. Võ Hữu L, sinh năm 1972, tại tỉnh Tây Ninh; hộ khẩu thường trú tại: ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; cha không rõ họ tên và bà Võ Thị B, sinh năm 1946; bị cáo không có anh chị em; vợ tên Hoàng Thị H, sinh năm 1974 (đã chết); có 02 người con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2021 cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 27/02/2021, tại nhà Nguyễn Tuấn L thuộc ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B, Công an xã T, huyện D, tỉnh B bắt quả tang 05 đối tượng đang tham gia đánh bạc được thua bằng tiền gồm: 1/ Nguyễn Huỳnh A; 2/ Mai Phước K; 3/Võ Văn T; 4/Đào Tấn D; 5/ Nguyễn Tuấn L dưới hình thức bài cào ba lá, sử dụng bài tây 52 lá chia cho các tụ, mỗi tụ 03 lá, mỗi người làm cái 05 ván, lần lượt xoay vòng, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Khi chia bài xong những người chơi cộng số điểm nếu lật bài so sánh với người làm cái, người nào thắng nhà cái thì được nhà cái trả số tiền đặt cược, còn thua thì đưa số tiền đã đặt cược cho nhà cái.

Vật chứng thu giữ gồm:

Thu tại chiếu bạc: 01 tấm chiếu có kích thước 1,8m x 1,6m dùng làm chiếu bạc; tiền Việt Nam 3.810.000 đồng; trong đó: Thu tại vị trí ngồi của Võ Văn T là 1.000.000 đồng; tại vị trí ngồi của Nguyễn Huỳnh A là 430.000 đồng; tại vị trí ngồi của Nguyễn Tuấn L là 540.000 đồng; tại vị trí ngồi của Đào Tấn D là 1.430.000 đồng; tại vị trí ngồi của Mai Phước K là 410.000 đồng và 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

Thu trên người các đối tượng: Thu giữ trên người Nguyễn Huỳnh A số tiền 1.800.000 đồng. Tổng số tiền thu giữ là 5.610.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định hành vi đánh bạc của các bị cáo, cụ thể như sau:

- Đối với Nguyễn Tuấn L: Ngày 27/02/2021, L tổ chức tiệc ăn mừng con trai tên là Nguyễn Tuấn K, sinh năm 2002 trúng tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2021. Sau khi uống rượu xong, L mua 01 bộ bài tây 52 lá, lấy chiếu cói làm chiếu bạc và sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. L đánh bạc cùng với Nguyễn Huỳnh A, Võ Văn T, Đào Tấn D, Mai Phước K, Võ Hữu L dưới hình thức cào 03 lá thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. L thắng được số tiền 350.000 đồng, L mua 01 tờ vé số 10.000 đồng. Khi bắt quả tang bị thu giữ số tiền 540.000 đồng trên chiếu bạc.

- Đối với Nguyễn Huỳnh A: Ngày 27/02/2021, Huỳnh A đến nhà Nguyễn Tuấn L dự tiệc, mang theo số tiền 2.580.000 đồng. Sau khi uống rượu xong thì A cùng Nguyễn Tuấn L, Võ Văn T, Đào Tấn D, Mai Phước K, Võ Hữu L đánh bạc dưới hình thức cào 03 lá thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. A sử dụng số tiền 2.580.000 đồng để đánh bạc. A thua số tiền 350.000 đồng. Khi bắt quả tang công an thu giữ số tiền 430.000 đồng A để trên chiếu bạc và số tiền 1.800.000 đồng A cất trong người.

- Đối với Võ Văn T: Ngày 27/02/2021, T đến nhà Nguyễn Tuấn L dự tiệc, mang theo số tiền 1.120.000 đồng. Sau khi uống rượu xong thì T cùng Nguyễn Tuấn L, Nguyễn Huỳnh A, Đào Tấn D, Mai Phước K, Võ Hữu L đánh bạc dưới hình thức cào 03 lá thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Số tiền mang theo T đưa cho L mừng đám tiệc 200.000 đồng, mua vé số 20.000 đồng. Còn lại số tiền 900.000 đồng T sử dụng để đánh bạc. T thắng số tiền 100.000 đồng. Khi bắt quả tang công an thu giữ số tiền 1.000.000 đồng T để trên chiếu bạc.

- Đối với Đào Tấn D: Ngày 27/02/2021, D đến nhà Nguyễn Tuấn L dự tiệc, mang theo số tiền 1.530.000 đồng. Sau khi uống rượu xong thì D cùng Nguyễn Tuấn L, Nguyễn Huỳnh A, Võ Văn T, Mai Phước K, Võ Hữu L đánh bạc dưới hình thức cào 03 lá thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. D sử dụng số tiền 1.530.000 đồng để đánh bạc. D thua

số tiền 100.000 đồng. Khi bắt quả tang công an thu giữ số tiền 1.430.000 đồng D để trên chiếu bạc.

- Đối với Mai Phước K: Ngày 27/02/2021, K đến nhà Nguyễn Tuấn L dự tiệc, mang theo số tiền 510.000 đồng. Sau khi uống rượu xong thì K cùng Nguyễn Tuấn L, Nguyễn Huỳnh A, Võ Văn T, Đào Tấn D, Võ Hữu L đánh bạc dưới hình thức cào 03 lá thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Số tiền mang theo K mừng đám tiệc 300.000 đồng; K sử dụng 210.000 đồng để đánh bạc. K thắng được số tiền 200.000 đồng. Khi bắt quả tang công an thu giữ số tiền 410.000 đồng trên chiếu bạc.

- Đối với Võ Hữu L: Ngày 27/02/2021, L đến nhà Nguyễn Tuấn L dự tiệc, mang theo số tiền 420.000 đồng. Sau khi uống rượu xong thì L cùng Nguyễn Tuấn L, Nguyễn Huỳnh A, Võ Văn T, Đào Tấn D, Mai Phước K đánh bạc dưới hình thức cào 03 lá thắng thua bằng tiền, tham gia khoảng 20 ván mỗi ván đặt số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Số tiền mang theo L mừng đám tiệc 200.000 đồng; mua 02 tờ vé số 20.000 đồng; còn lại 200.000 đồng L dùng để đánh bạc. L tiếp tục chơi thì thua hết số tiền 200.000 đồng nên ra võng nằm.

Như vậy, số tiền L, Huỳnh A, Danh, K, T và L sử dụng vào việc đánh bạc là 5.610.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như Cáo trạng số 75/CT- VKSDT- HS ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt chính đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn L từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Tấn D từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Phước K từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Hữu Lộc từ 06 tháng đến 08 tháng tù

nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh A từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng gồm: 01 (một) tấm chiếu có kích thước 1,8m x 1,6m dùng làm chiếu bạc và 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng. Đây là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trái phép, đề nghị tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền Việt Nam 5.610.000 đồng được các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Quá trình thu thập chứng cứ cũng như kết quả thẩm tra tại phiên tòa, lời khai và trình bày của các bị cáo như sau:

Các bị cáo khai nhận thống nhất với kết quả điều tra và Cáo trạng, cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng theo đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Các bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo không có ý kiến gì cũng không có bất cứ khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về phần hình phạt:

Bị cáo L có ý kiến: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, mức hình phạt là phù hợp nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Huỳnh A có ý kiến: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, mức hình phạt là phù hợp, bị cáo còn nuôi mẹ già, xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo D có ý kiến: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, mức hình phạt là phù hợp, bị cáo xin cho được hưởng án treo.

Bị cáo Kcó ý kiến: Bị cáo biết mình sai, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo, bị cáo xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo T có ý kiến: Bị cáo biết mình sai, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo, bị cáo xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo L có ý kiến: Bị cáo biết mình sai, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo, bị cáo xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo L: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, gây ra nhiều hệ lụy xấu khác, là tệ nạn bị xã hội lên án, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Huỳnh A: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, không phải là chơi cho vui, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem

xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cơ hội làm ăn nuôi hai con và chăm lo cho gia đình.

Bị cáo T: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, là tệ nạn bị xã hội lên án, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo D: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, là tệ nạn bị xã hội lên án, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa sai, sớm hòa nhập cộng đồng, lo làm ăn để nuôi con nhỏ, chăm sóc gia đình.

Bị cáo K: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, là tệ nạn bị xã hội lên án, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa sai, sớm hòa nhập cộng đồng, lo làm ăn để nuôi con nhỏ, chăm sóc gia đình.

Bị cáo L: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, là tệ nạn bị xã hội lên án, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa sai, sớm hòa nhập cộng đồng, lo làm ăn để nuôi con nhỏ, chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[2] Các yếu tố cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 27/02/2021, Nguyễn Tuấn L, Nguyễn Huỳnh A, Đào Tấn D, Mai Phước K, Võ Văn T và Võ Hữu L đánh bạc tại nhà bị cáo Nguyễn Tuấn L thuộc ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B, hình thức cào ba lá với số tiền 5.610.000 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bản Cáo trạng số 75/CT- VKSDT- HS ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Viện

kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Các căn cứ quyết định hình phạt:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng để nhận thức được đánh bạc là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an ninh trật tự an toàn xã hội, chỉ vì ham lợi, mong muốn kiếm tiền nhanh không phải mất nhiều công sức lao động mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đánh bạc là một tệ nạn đang bị xã hội lên án, là một trong những nguyên nhân kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương xảy ra vụ án.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, những người tham gia đánh bạc đều giữ vai trò thực hành.

Về vai trò, ý chí thực hiện hành vi phạm tội: Các bị cáo Huỳnh A, K, T, D, L đến nhà bị cáo L dự tiệc ăn mừng con trai L trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, sau khi uống rượu xong, L đi mua một bộ bài tây 52 lá. Các bị cáo Huỳnh A, T, D, K và L cùng nhau tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền (bị cáo L sử dụng 200.000 đồng, bị cáo Huỳnh A sử dụng 2.580.000 đồng, bị cáo T sử dụng 900.000 đồng, bị cáo D sử dụng 1.530.000 đồng, bị cáo K sử dụng 210.000 đồng, bị cáo Lộc sử dụng 200.000 đồng) thể hiện ý chí sát phạt, kiên quyết thực hiện hành vi phạm tội ở các mức độ khác nhau, vì vậy cần xem xét hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo.

Về nhân thân: Trước thời điểm xảy ra hành vi phạm tội, các bị cáo L, K, T, có nhân thân tốt.

Đối với bị cáo L: Tại trích lục tiền án, tiền sự số 863643/2021/PV06 ngày 17/08/2021 của Công an tỉnh Bình Dương thể hiện bị cáo bị Công an huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương bắt và tạm giam về hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của công nhân ngày 29/12/1997. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 17/9/2021 của Công an huyện Dầu Tiếng xác định qua tiến hành kiểm tra hồ sơ tại Cơ quan điều tra kiểm tra Công an thị xã Bến Cát kết quả không có khởi tố vụ án đối với bị cáo Võ Hữu L về hành vi xảy ra ngày 29/12/1997. Vì vậy, về nhân thân bị cáo L chưa từng bị xử lý hình sự và hành chính.

Đối với bị cáo D: Tại trích lục tiền án, tiền sự số 859687/2021/PV06 ngày 03/11/2021 của Công an tỉnh Bình Dương thể hiện bị cáo bị Công an huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé bắt và tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 12/01/1991. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 20/10/2021 của Công an huyện Dầu Tiếng xác định qua tiến hành kiểm tra hồ sơ tại Cơ quan điều tra kiểm tra Công an thị xã Bến Cát kết quả không có hồ sơ đối với bị cáo Đào Tấn D về hành vi xảy ra ngày 12/01/1991. Vì vậy, về nhân thân bị cáo D chưa từng bị xử lý hình sự và hành chính.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Nguyễn Huỳnh A: Có 01 tiền án: Ngày 24/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử về tội Cố ý gây thương tích, mức án: 03 năm tù tại Bản án số 44/2011/HS-ST. Chấp hành xong ngày 21/7/2019.

Bị cáo Huỳnh A có tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần xử mức hình phạt nặng hơn các bị cáo khác.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo L, T, D, K, L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm về an ninh trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và xử phạt mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để đảm bảo sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật và có tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo L, T, D, K, L có nhân thân tốt; tại địa phương các bị cáo L, T, D, K, L luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; các bị cáo có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết. Xét thấy các bị cáo L, T, D, K, L có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo nên cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

[4] Về xử lý vật chứng:

01 (một) tấm chiếu có kích thước 1,8m x 1,6m dùng làm chiếu bạc và 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng. Đây là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trái phép, đề nghị tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền Việt Nam 5.610.000 đồng được các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, căn cứ điều luật, xử lý vật chứng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mức hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hình phạt, mức xử phạt đối với các bị cáo L, Huỳnh A, T, D, K, L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn L, Nguyễn Huỳnh A, Võ Văn T, Đào Tấn D, Mai Phước K, Võ Hữu L phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh A 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn L 07 (bảy) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 10/12/2021). Phạt bổ sung bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Đào Tấn D 07 (bảy) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 10/12/2021). Phạt bổ sung bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Mai Phước K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 10/12/2021). Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 10/12/2021). Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Võ Hữu L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 10/12/2021). Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao các bị cáo L, T, D, K, L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 46; Điểm a, b Khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b, c Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) tấm chiếu có kích thước 1,8m x 1,6m dùng làm chiếu bạc và 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 5.610.000 đồng.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/9/2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0001455 ngày 28/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Tuấn L, Nguyễn Huỳnh A, Võ Văn T, Đào Tấn D, Mai Phước K, Võ Hữu L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (10/12/2021).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Sơn